

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**



**BÁO CÁO
RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Bình Dương, Năm 2023

Mục lục

I. MỞ ĐẦU.....	3
1. Khái quát về Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng.....	3
2. Khái niệm rừng có giá trị bảo tồn cao	3
3. Bộ công cụ HCV cho Việt Nam	4
II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ.....	5
1. Mục tiêu.....	5
2. Nội dung đánh giá	6
3. Phương pháp đánh giá.....	6
III. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO	6
IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	10
1. Kết luận.	10
2. Kiến nghị	12

I. MỞ ĐẦU

1. Khái quát về Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng

Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng trồng cao su nằm tập trung dọc theo lưu vực tả ngạn sông Sài Gòn, nằm trên địa bàn 16 xã, Thị trấn thuộc Huyện Dầu Tiếng, Huyện Bàu Bàng và Thị xã Bến Cát – Tỉnh Bình Dương; Thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp trồng cao su, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các cụm, khu công nghiệp tập trung.

Trung tâm của Công ty đặt tại Thị trấn Dầu Tiếng - một thị trấn có tiềm năng phát triển nông - công nghiệp lớn, cách thành phố Thủ Dầu Một 60 km và cách trung tâm thành phố Hồ Chí Minh 90 km đường giao thông đường bộ.

Tổng diện tích cao su Công ty quản lý hiện nay là 28.056,44 ha (Tháng 03/2023):

- Đất nông nghiệp: 27.917,72 ha

- Đất phi nông nghiệp: 138,72 ha

- Diện tích tham gia Hệ thống Chứng chỉ Rừng Quốc gia (VFCS/PEFC): 8.000 ha thuộc 4 Nông trường: Đoàn Văn Tiến diện tích 1.978,36 ha (xã Định Hiệp và thị trấn Dầu Tiếng); Trần Văn Lưu diện tích 2.839,89 ha (xã Định An, Định Hiệp và Minh Tân); Thanh An diện tích 2.393,65 ha (xã Định Hiệp, An Lập và Thanh An); Bến Súc diện tích 788,10 ha (xã Thanh An, Thanh Tuyền) huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Diện tích tham Hệ thống giải trình trách nhiệm kiểm soát nguồn gốc DDS theo PEFC cho vườn cây cao su của Công ty: 19.917,72 ha (Diện tích này sẽ biến động tùy vào tình hình vườn cây mỗi năm, kế hoạch sử dụng đất của Công ty, quyết định thu hồi đất của Tỉnh về việc bàn giao đất về địa phương để phục vụ kinh tế Tỉnh). Diện tích này giảm 2,08 ha so với năm 2022, do bàn giao đất về địa phương thực hiện các công trình công cộng.

2. Khái niệm rừng có giá trị bảo tồn cao

Rừng có giá trị bảo tồn cao (HCV) được xây dựng trong khuôn khổ của Chứng chỉ rừng. Nguyên tắc 6 (Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 về việc Quy định về quản lý rừng bền vững) và tiêu chí của PEFC về Chứng chỉ rừng được sử dụng nhằm nhận dạng các loại rừng đặc biệt có giá trị bảo tồn cao và cần được bảo vệ do một hoặc một số đặc trưng có liên quan đến thuộc tính của hệ sinh thái, các dịch vụ môi trường và các giá trị xã hội của chúng.

Nguyên tắc 6. Duy trì, bảo tồn và nâng cao đa dạng sinh học

6.1. Chủ rừng phải xác định các khu rừng có tầm quan trọng về sinh thái, khu rừng có giá trị bảo tồn cao cần được bảo vệ hoặc bảo tồn

6.2. Chủ rừng phải có biện pháp bảo vệ các loài thực vật rừng, động vật rừng theo quy định của pháp luật

6.3. Chủ rừng phải bảo vệ hoặc bảo tồn các khu rừng có tầm quan trọng về sinh thái, khu rừng có giá trị bảo tồn cao

6.4. Chủ rừng phải thực hiện các biện pháp duy trì và nâng cao giá trị sinh thái và đa dạng sinh học của rừng

Nhằm có những hướng dẫn chi tiết hơn cho các nhà quản lý rừng, Tổ chức Quản lý rừng Quốc tế đưa ra định nghĩa Rừng có giá trị bảo tồn cao như là những loại rừng có một hay nhiều thuộc tính sau:

- HCV 1: Rừng chứa đựng các giá trị đa dạng sinh học có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu (ví dụ: các loài đặc hữu, bị đe dọa, loài di trú). Giá trị này liên quan đến việc duy trì đa dạng sinh học ở mức độ loài.

- HCV 2: Rừng cấp cảnh quan lớn có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu, nằm trong, hoặc bao gồm đơn vị quản lý rừng, nơi mà nhiều quần xã của hầu hết nếu không phải là tất cả các loài xuất hiện tự nhiên tồn tại trong những mẫu chuẩn tự nhiên.

- HCV 3: Rừng thuộc về hoặc bao gồm những hệ sinh thái hiếm, đang bị đe dọa hoặc nguy cấp.

- HCV 4: Rừng cung cấp những dịch vụ tự nhiên cơ bản trong những tình huống quan trọng (ví dụ: phòng hộ đầu nguồn, kiểm soát xói mòn).

- HCV 5: Rừng đóng vai trò nền tảng trong việc đáp ứng nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương (ví dụ: sinh kế, sức khỏe)

- HCV 6: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc nhận diện văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương (khu vực có ý nghĩa văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo được nhận biết qua hợp tác với các cộng đồng địa phương đó).

Vì vậy một khu rừng được coi là một HCV nếu nó bao gồm một hay nhiều giá trị được nêu ở trên. Điểm quan trọng của nguyên tắc này chính là khái niệm về *các giá trị*. HCV không liên quan đến việc bảo tồn một loài hiếm có đơn lẻ hay các quyền của cộng đồng. Khái niệm này tổng quát hơn và vì vậy cũng khó định nghĩa hơn. Các giá trị có liên quan nhiều hơn đến chức năng của một khu rừng ở quy mô địa phương, khu vực hay toàn cầu. Những chức năng này có thể là những chức năng cụ thể như phòng hộ rừng đầu nguồn hoặc duy trì nguồn thực phẩm cho người dân địa phương. Tuy nhiên giá trị cũng bao gồm nhiều yếu tố mang tính lý thuyết hơn như một quần thể loài đặc hữu có thể không có giá trị kinh tế rõ ràng nhưng có tầm quan trọng trong việc bảo tồn đa dạng sự sống.

Điều này đưa đến những kết quả quan trọng đối với các giải pháp quản lý. Hoạt động quản lý phải *duy trì hoặc nâng cao* các giá trị đó chứ không phải chỉ bảo vệ. Chẳng hạn, việc khai thác gỗ có thể được phép ở những khu vực rừng đầu nguồn quan trọng nếu nó được thực hiện với phương thức không làm ảnh hưởng đến chức năng kiểm soát nước trong khu vực đó. Các hoạt động tương tự có thể tiếp diễn trong các khu vực có giá trị xã hội nhưng hoạt động quản lý phải không gây tác động tiêu cực đến các giá trị được cho là quan trọng đối với các cộng đồng địa phương.

3. Bộ công cụ HCV cho Việt Nam

HCV phù hợp với Việt Nam, nơi bồi cảnh sinh thái, môi trường và xã hội đảm bảo rằng hầu hết những người sử dụng rừng tự nhiên đang hoạt động trong một khu rừng có giá trị bảo tồn cao. Khái niệm này, tuy còn mới đối với Việt Nam và có thể dẫn tới một số nhầm lẫn. Để giải quyết vấn đề này, WWF Việt Nam đã tiến hành một quy trình xây

đựng một bộ hướng dẫn nhằm hỗ trợ việc xác định HCVF ở Việt Nam. Tài liệu này, được biết đến như là bộ công cụ về HCVF (WWF VN 2012), là sự phỏng theo bộ công cụ HCVF chung do ProForest xây dựng (ProForest 2003). Bộ công cụ này được thiết kế nhằm giúp đỡ các bên có liên quan xác định xem có HCVF hay không và cung cấp một số hướng dẫn về cách quản lý và giám sát các khu vực này.

Bộ công cụ cho Việt Nam bao gồm các tiêu chí và chỉ số về những gì biểu trưng cho HCVF ở Việt Nam. Bộ công cụ hướng dẫn cho đánh giá viên các câu hỏi nhằm giúp xác định các giá trị hiện có.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Mục tiêu

Tổng diện tích cao su Công ty quản lý hiện nay là 28.056,44 ha (Tháng 03/2023):

- Đất nông nghiệp: 27.917,72 ha

- Đất phi nông nghiệp: 138,72 ha

- Diện tích tham gia Hệ thống Chứng chỉ Rừng Quốc gia (VFCS/PEFC): 8.000 ha thuộc 4 Nông trường: Đoàn Văn Tiến diện tích 1.978,36 ha (xã Định Hiệp và thị trấn Dầu Tiếng); Trần Văn Lưu diện tích 2.839,89 ha (xã Định An, Định Hiệp và Minh Tân); Thanh An diện tích 2.393,65 ha (xã Định Hiệp, An Lập và Thanh An); Bến Súc diện tích 788,10 ha (xã Thanh An, Thanh Tuyền) huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Diện tích tham gia Hệ thống giải trình trách nhiệm kiểm soát nguồn gốc DDS theo PEFC cho vườn cây cao su của Công ty: 19.917,72 ha (Diện tích này sẽ biến động tùy vào tình hình vườn cây mỗi năm, kế hoạch sử dụng đất của Công ty, quyết định thu hồi đất của Tỉnh về việc bàn giao đất về địa phương để phục vụ kinh tế Tỉnh).

Hiện trạng sử dụng đất trồng cao su năm 2023:

STT	Nông trường	Khu vực tham gia Chứng chỉ VFCS/PEFC (ha)				Diện tích tham gia hệ thống giải trình kiểm soát nguồn gốc (DDS) (ha)					Tổng diện tích (ha)
		KTCB	Kinh doanh	Tái canh 2023	Tổng	KTCB	Kinh doanh	Tái canh 2023	Vườn nhân	Tổng	
1	An Lập					915,54	2.324,68			3.240,22	3.240,22
2	Bến Súc	329,47	424,47		753,94	525,15	1.378,20			1.903,35	2.657,29
3	Đoàn Văn Tiến	209,11	1.516,36		1.725,47	193,36	940,80			1.134,16	2.859,63
4	Long Hòa					643,26	1.819,79			2.463,05	2.463,05
5	Long Tân					690,68	2.566,38			3.257,06	3.257,06
6	Minh Hòa					1.051,87	2.073,54	42,38	1,02	3.126,43	3.126,43
7	Thanh An	555,41	1.721,79	3,20	2.277,20		16,20			16,20	2.293,40
8	Trần Văn Lưu	1.086,02	1.444,56	310,40	2.692,40	71,61	1.076,32	130,90		1.278,83	3.971,23
	Tổng	2.180,01	5.107,18	313,60	7.449,01	4.091,47	12.195,91	173,28	1,02	16.419,30	23.868,31

Xác định rừng có giá trị bảo tồn cao (HCV) tại rừng cao su của Công ty TNHH MTV Cao Su Dầu Tiếng, đối với diện tích khu rừng cao su tham gia Hệ thống Chứng chỉ Rừng Quốc gia (VFCS/PEFC) để thực hiện duy trì. Mặt khác, toàn bộ rừng trồng là rừng sản xuất của Công ty. Không có rừng tự nhiên và không có rừng phòng hộ hay đặc dụng.

2. Nội dung đánh giá

- Xác định rừng có hay không các giá trị đa dạng sinh học có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc quốc tế (HCV1);
- Xác định rừng có hay không các cấp cảnh quan lớn có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc quốc tế, thuộc đơn vị quản lý rừng (HCV2);
- Xác định rừng có hay không việc bao gồm những hệ sinh thái hiếm, đang bị đe dọa hoặc nguy cấp (HCV3);
- Xác định rừng có hay không việc cung cấp những dịch vụ tự nhiên, như: rừng phòng hộ đầu nguồn, chống xói mòn, cung cấp nguồn nước... (HCV4);
- Xác định rừng có hay không việc cung cấp nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương (HCV5);
- Xác định rừng có chứa các khu rừng có ý nghĩa văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo đối với cộng đồng địa phương (HCV6).

3. Phương pháp đánh giá

Phương pháp nghiên cứu dựa theo bộ công cụ xác định rừng có giá trị bảo tồn cao của WWF, kết hợp với các nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, các nghiên cứu về đa dạng sinh học Công ty TNHH MTV Cao Su Dầu Tiếng.

III. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO

Các khu rừng được lựa chọn đưa vào đánh giá gồm: Toàn bộ rừng trồng là rừng sản xuất của Công ty (Công ty không có rừng tự nhiên và không có rừng phòng hộ hay đặc dụng). Kết quả đánh giá như sau:

1. HCV 1: Rừng có các giá trị đa dạng sinh học có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc quốc tế

- HCV 1.1: Các khu rừng đặc dụng

Khu rừng này có phải là một khu rừng đặc dụng hiện có hay đề xuất không?

Không: Công ty TNHH MTV Cao Su Dầu Tiếng hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con (Trực thuộc tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam) tổng diện tích vườn cây Cao su: 27.919,80 ha, diện tích tham gia Hệ thống Chứng chỉ Rừng Quốc gia (VFCS/PEFC): 8.000 ha thuộc 4 Nông trường: Đoàn Văn Tiến diện tích 1.978,36 ha (xã Định Hiệp và thị trấn Dầu Tiếng); Trần Văn Lưu diện tích 2.839,89 ha (xã Định An, Định Hiệp và Minh Tân); Thanh An diện tích 2.393,65 ha (xã Định Hiệp, An Lập và Thanh An); Bến Súc diện tích 788,10 ha (xã Thanh An, Thanh Tuyền) huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Khu rừng này có liền kề một khu rừng đặc dụng hoặc nằm trong vùng đệm?

Không: Các khu vực rừng của Công ty không liền kề với khu rừng đặc dụng nào.

Khu rừng này có gần khu rừng đặc dụng nào không?

Không: Các khu vực rừng của Công ty không gần với khu rừng đặc dụng nào

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU.**

- HCV 1.2: Các loài bị đe dọa và nguy cấp

Có nhiều loài được liệt kê trong danh sách các loài bị đe dọa và nguy cấp của Việt Nam được tìm thấy trong khu rừng này không?

Không: Qua đánh giá của các chuyên gia về đa dạng sinh học cho rằng khu vực không tồn tại một số loài động thực vật bị đe dọa và nguy cấp, rừng ở đây là rừng trồng sản xuất nên tính đa dạng sinh học rất nghèo, không phát hiện thấy các loài động thực vật quý hiếm.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

- HCV 1.3: Các loài đặc hữu

Có một loài đặc hữu hoặc cận đặc hữu được ghi nhận ở khu rừng này không?

Không: Kết quả điều tra, cũng như thông tin phỏng vấn cán bộ Công ty và người dân địa phương không phát hiện loài đặc hữu nào phân bố trong khu rừng.

- HCV 1.4: Công dụng quan trọng theo thời gian

Có các nguồn thức ăn/ khu đất ngập nước/các quần xã di cư hiện hữu trong khu rừng này vào một số thời điểm hay thời gian nào không?

Không: Trong khu vực không có khu ngập nước hay các quần xã di cư

Có phải nguồn tài nguyên rất quan trọng đối với sự tồn tại của quần thể hay quần xã sinh học không?

Không

Khu vực này có phải là khu RAMSAR thực tế hoặc tiềm năng hay không?

Không. Khu vực nói trên không phải và không có tiềm năng là khu RAMSAR trong tương lai.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU.**

Khu vực này có phải nằm trong khu bảo tồn được đề xuất hay không?

KHÔNG

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU.**

2. HCV 2: Rừng cấp cảnh quan lớn có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc quốc tế, thuộc đơn vị quản lý rừng.

Khu vực rừng này có phải là một dải rừng liên tục

Không: Rừng của Công ty nằm ở 08 nông trường trong đó:

Số	ĐƠN VỊ	Diện tích Công ty (ha)	Diện tích DDS (ha)							Khu vực CCR (ha)							
			KTCB	Kinh doanh	Thu hoạch gỗ 2023	Đất trồng và đất dự kiến Quy hoạch khác	Tái canh 2023	Diện tích loại trừ (DLO, HLNS, HLNN, HLDD)	Vườn nhân	Tổng	KTCB	Kinh doanh	Thu hoạch gỗ 2023	Đất trồng và đất dự kiến Quy hoạch khác	Tái canh 2023	Diện tích loại trừ (DLO, HLNS, HLNN, HLDD)	Tổng
1	Án Lập	3.442,87	915,54	2.324,68	31,15	171,78	0,00	30,87	3.442,87							0,00	
2	Bến Súc	2.773,97	525,15	1.378,20	15,96	3,66	0,00	78,86	1.985,87	329,47	424,47				0	34,16	788,10
3	Đoàn Văn Tiến	3.290,00	193,36	940,80	175,97	97,29		80,19	1.311,64	209,11	1.516,36	64,99	145,05		107,84	1.978,36	
4	Long Hòa	3.600,94	643,26	1.819,79	0,64	991,28	0,00	146,61	3.600,94							0,00	
5	Long Tân	3.813,09	690,68	2.566,38	4,87	479,77	0,00	76,26	3.813,09							0,00	
6	Minh Hòa	4.092,05	1.051,87	2.073,54	129,59	835,41	42,38	105,43	4.092,05	1,02						0,00	
7	Thanh An	2.513,11	0,00	16,20	0,00	86,10		17,16	119,47	555,41	1.721,79	3,2		3,20	116,44	2.393,64	
8	Trần Văn Lưu	4.391,68	71,61	1.076,32	42,96	230,35	130,90	42,61	1.551,79	1.086,02	1.444,56	310,40	27,83	310,40	119,66	2.839,89	
	TỔNG	27.917,72	4.091,47	12.195,91	401,14	2.895,64	173,28	578,00	19.917,72	2.180,01	5.107,18	378,59	172,88	313,60	378,11	8.000,00	

Toàn bộ diện tích rừng quản lý có diện tích rộng hơn 10.000 ha?

Có: Tổng diện tích vườn cây Cao su: 27.917,72 ha, trong đó diện tích tham gia Hệ thống Chứng chỉ Rừng Quốc gia (VFCS/PEFC) thuộc 04 nông trường: Đoàn Văn Tiến (1.978,36 ha), Trần Văn Lưu (2.839,89 ha), Thanh An (2.393,64 ha), Bến Súc (788,10 ha) với tổng diện tích là 8.000 ha.

Có một quần thể loài trọng yếu sinh sống hay không?

Không:

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

3. HCV 3: Bao gồm những hệ sinh thái hiếm, đang bị đe dọa hoặc nguy cấp.

Có kiểu rừng nào liệt kê dưới đây được tìm thấy tại khu rừng này không?

Phân loại các hệ sinh thái bị đe dọa hoặc nhạy cảm

1. Rừng lá kim thuần loài tự nhiên
2. Rừng hỗn giao lá rộng lá kim tự nhiên
3. Rừng trên núi đá vôi
4. Hệ sinh thái đất ngập nước, đầm lầy nước ngọt
5. Rừng ngập mặn
6. Rừng thường xanh trên vùng đất thấp
7. Rừng khộp
8. Rừng bán thường xanh (nửa rụng lá)
9. Rừng chuyển tiếp rừng thường xanh và rừng bán thường xanh
10. Rừng lùn trên đỉnh núi
11. Rủ gai hoặc chuông gai khô hạn
12. Rừng rêu

KHÔNG: Toàn bộ rừng của Công ty là rừng trồng sản xuất.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

4. HCV 4: Rừng cung cấp những dịch vụ tự nhiên, như: rừng phòng hộ đầu nguồn, chống xói mòn, cung cấp nguồn nước...

- HCV 4.1: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và điều tiết nguồn nước dùng cho sinh hoạt và tưới tiêu.

Có tiểu khu nào của Công ty được xác định là rừng phòng hộ không?

Không: Rừng của Công ty là rừng trồng sản xuất

Có một ngôi làng hoặc một cộng đồng sử dụng trên 90% nước để ăn/uống, sử dụng cho hộ gia đình và tưới tiêu từ một nguồn duy nhất, hoặc một số nguồn trong khu rừng?

Không: Căn cứ vào bản đồ bảo vệ hành lang ven suối, các suối trên địa bàn quản lý của Công ty chủ yếu là suối nhỏ và khe cạn không cung cấp được trên 90% nhu cầu nước sinh hoạt, tưới tiêu cho làng hoặc cộng đồng tại khu vực này.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

- HCV 4.2: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc phòng chống sạt lở đất, lũ quét, xói mòn, gió bão, bồi lắng và phòng hộ ven biển.

Diện tích rừng có được quy định là rừng phòng hộ hoặc được cộng đồng bảo vệ không?

Không: Rừng của công ty là rừng trồng sản xuất

Diện tích rừng này có nằm trong khu vực hay xảy ra thiên tai (lũ, lũ quét, gió bão, sạt lở đất, sóng biển dâng, cát bay, ...) không?

KHÔNG: Khu vực rừng của Công ty không có hiện tượng sạt lở đất và lũ quét, không nằm trong khu vực gió bão và sóng biển dâng...

5. HCV 5: Rừng cung cấp nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương.

Có những cộng đồng sinh sống trong hoặc gần một khu rừng?

Có: Gần ranh giới có 1 một số hộ dân của người Kinh sinh sống

Những cộng đồng có sử dụng rừng đáp ứng các nhu cầu cơ bản của họ không?

Không: Hiện nay người dân tộc thiểu số tại khu vực đã hòa nhập với nền kinh tế thị trường tại địa phương và không còn phụ thuộc vào rừng tự nhiên để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của họ nữa.

Những nhu cầu cơ bản là nền tảng đối với cộng đồng địa phương không?

Không: Những nhu cầu cơ bản của họ đã được thay thế bằng các sản phẩm phổ thông như: Họ đã sử dụng bếp ga thay cho dùng củi, họ đã đến các trạm y tế của xã và trung tâm y tế của huyện để khám chữa bệnh, và sử dụng gạch để làm nhà và xây dựng chuồng trại...

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

6. HCV 6: là khu rừng có ý nghĩa văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo đối với cộng đồng địa phương.

Có cộng đồng sinh sống bên trong hoặc gần khu rừng?

Có: Khu vực rừng của công ty có một số hộ dân tộc kinh sống bên trong và gần rừng.

Những cộng đồng này có sử dụng rừng là đặc trưng văn hoá của họ không?

Không: Rừng ở đây là rừng trồng sản xuất, cộng đồng người dân ở đây không sử dụng rừng trồng là đặc trưng văn hóa của họ.

Khu rừng này có vai trò cấp thiết trong việc nhận diện văn hóa?

Không: Rừng ở khu vực Công ty quản lý là rừng trồng sản xuất và không có vai trò trong việc nhận diện văn hóa của cộng đồng địa phương.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận.

Qua điều tra đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF) trên diện tích rừng của Công ty TNHH MTV Cao Su Dầu Tiếng thì rừng do Công ty quản lý không phải là rừng có giá trị bảo tồn cao.

Tóm tắt HCV tại khu vực rừng Công ty TNHH MTV Cao Su Dầu Tiếng

Giá trị	Kết quả đánh giá
<i>HCV1: Tập trung các giá trị đa dạng sinh học</i>	<i>KHÔNG HIỆN HỮU</i>
Các khu bảo vệ	Không hiện hữu
Các loài bị đe dọa và nguy cấp	Không hiện hữu
Loài đặc hữu	Không hiện hữu
Công dụng mang tính tạm thời	Không hiện hữu
<i>HCV2: Rừng cấp cảnh quan</i>	<i>KHÔNG HIỆN HỮU</i>
Dải rừng liên tục	Không hiện hữu

Giá trị	Kết quả đánh giá
Điều kiện rừng còn gần tự nhiên	Không hiện hữu
Diện tích rộng hơn 10.000 ha	Có hiện hữu
Quần thể loài trọng yếu	Không hiện hữu
<i>HCV3: Các kiểu rừng bị đe dọa</i>	<i>KHÔNG HIỆN HỮU</i>
Hệ sinh thái hiếm	Không hiện hữu
Kiểu rừng này có đặc trưng cho khu vực không?	Không hiện hữu
<i>HCV4: Dịch vụ của tự nhiên</i>	<i>KHÔNG HIỆN HỮU</i>
Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và điều tiết nguồn nước uống, thủy lợi và thủy điện	Không hiện hữu
Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc phòng hộ xói lở đất, lũ lụt và lắng đọng trầm tích	Không hiện hữu
Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sống tại khu vực	Không hiện hữu
<i>HCV5: Nhu cầu cơ bản</i>	<i>KHÔNG HIỆN HỮU</i>
Có những cộng đồng sinh sống trong hoặc gần một khu rừng?	Có hiện hữu
Những cộng đồng sử dụng rừng đáp ứng các nhu cầu cơ bản	Không hiện hữu
Những nhu cầu cơ bản là nền tảng đối với những cộng đồng địa phương?	Không hiện hữu
<i>HCV6: Nhận diện văn hoá</i>	<i>KHÔNG HIỆN HỮU</i>
Có cộng đồng sinh sống bên trong hoặc gần khu rừng?	Có hiện hữu
Những cộng đồng có sử dụng rừng cho mục đích nhận dạng văn hoá của họ?	Không hiện hữu

Giá trị	Kết quả đánh giá
Khu rừng này có vai trò quan trọng trong việc nhận dạng văn hóa không?	Không hiện hữu

2. Kiến nghị

Tuy những khu rừng của Công ty TNHH MTV Cao Su Dầu Tiếng không phải là rừng có giá trị bảo tồn cao nhưng vẫn có ảnh hưởng đến các giá trị về môi trường và xã hội của cộng đồng người dân địa phương. Vì vậy, Công ty cần phải có các biện pháp hỗ trợ cộng đồng địa phương các kiến thức về cây Giồng và kỹ thuật để giúp cộng đồng phát triển kinh tế, đồng thời có kế hoạch quản lý bảo vệ tốt hơn nhằm giảm thiểu những tác động thiên tai như: bão, lũ lụt, xói mòn đất... trong quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh rừng của Công ty.

TM. BAN THỰC HIỆN CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

